

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2019

V/v “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Đức.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 360/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: anh Lê Trọng H, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:*

Chị và anh Lê Trọng H cưới nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (B – B) năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khi chị mang thai thì không còn hạnh phúc nữa nguyên nhân là do anh H phát sinh quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác nhưng sau đó anh H tự thấy là sai nên tự chấm dứt mối quan hệ ngoài hôn nhân đó, vì thương con nên chị cũng bỏ qua để vợ chồng hàn gắn cùng nuôi dạy con, thời gian gần đây anh H tham gia chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con.

Mặc dù hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà, nhưng việc ai nấy làm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trọng H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Lê Trọng H trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Hằng N cưới nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (B – B) năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khi vợ anh mang thai thì do anh phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm vợ anh buồn lòng, bản thân anh tự thấy sai nên tự chấm dứt mối quan hệ đó, thời gian gần đây anh cũng có tham gia chơi đá gà nhưng lâu lâu mới chơi, chơi với số tiền ít nên không gây ra nợ nần gì, đồng thời công việc của anh không ổn định, thu nhập bấp bênh nên nhiều lúc ít có tiền phụ vợ lo cho gia đình làm vợ anh buồn lòng, nay anh suy nghĩ thấy thương vợ con nên cách nay khoảng 04 tháng anh không còn chơi đá gà nữa và cũng cố gắng kiếm việc làm để có thu nhập ổn định lo con vợ con. Nay anh còn thương vợ, muốn hàn gắn với vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 25/7/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như thành phần quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H. Con chung: đề nghị giao cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 25/7/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp

dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh H cưới nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (B - B) vào ngày 12/02/2014. Do đó, hôn nhân của chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống giữa chị N và anh H có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H tham gia cờ bạc, đá gà, không chăm lo cho gia đình. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị N và anh H cùng xác định là cuộc sống của vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, đồng thời anh H cũng tham gia vào cờ bạc, mặc dù anh H cho rằng hiện nay anh chấm dứt mọi quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân, cũng không còn tham gia chơi cờ bạc nữa, anh muốn hàn gắn với chị N nhưng chị N không đồng ý và cương quyết yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn nên xét yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Lê Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 25/7/2015. Cả chị N và anh H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên bản thân anh H thừa nhận là công việc của anh bấp bênh, thu nhập không ổn định, trong khi đó chị N có nghề nghiệp là buôn bán nên thu nhập ổn định, đồng thời xét thấy con chung còn nhỏ (chỉ mới 04 tuổi) nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị N là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Hằng N phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hằng N đối với anh Lê Trọng H.

2. Con chung: Chị Nguyễn Thị Hằng N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 25/7/2015. Ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Hằng N phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004986 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

